TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 08/2019/QĐST-KDTM	*Đan Phượng, ngày 18 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hỏa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng VN (VAMC)

Địa chỉ: Số 22 Hàng Vôi, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ; Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của VAMC: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (HDBank) theo hợp đồng ủy quyền số 9287/2015/UQ.VAMC2-HDBANK.

Người đại diện theo ủy quyền của HDBank: Ông Nguyễn Văn H, ông Lê Duy H1; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, TTXLN Miền Bắc theo Giấy ủy quyền số 313/2019/TTXLNMB ngày 06/8/2019.

* *Bị đơn:* - Ông Nguyễn Quý A (tức Ph), sinh năm 1969;

- Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 3, ngõ 4, xóm Nh, Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1995;

- Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Số 3, ngõ 4, xóm Nh, Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông A, anh T và chị Th: bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 3, ngõ 4, xóm Nh, Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Quý A (tức Ph) và bà Nguyễn Thị Kim L xác nhận nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) số nợ tính đến ngày 10/10/2019 của hợp đồng tín dụng hạn mức số HM11/0006/MĐ ngày 02/8/2011 gồm:

- Giấy nhận nợ số 03-2012-HM11/0006/MĐ ngày 04/7/2012:

Nợ gốc: 387.112.029 đồng

Nợ lãi: 458.079.525 đồng (gồm nợ lãi trong hạn: 341.784.334 đồng + nợ lãi quá hạn: 116.295.191 đồng)

Tổng nợ: 845.191.554 đồng

- Giấy nhận nợ số 04-2012-HM11/0006/MĐ ngày 06/7/2012:

Nợ gốc: 350.000.000 đồng

Nợ lãi: 408.786.427 đồng (gồm nợ lãi trong hạn: 245.365.911 đồng + nợ lãi quá hạn: 163.420.516 đồng)

Tổng nợ: 758.786.427

Tổng số nợ của hợp đồng (giấy nhận nợ số 03-2012-HM11/0006/MĐ ngày 04/7/2012 và giấy nhận nợ số 04-2012-HM11/0006/MĐ ngày 06/7/2012) gồm:

Nợ gốc: 737.112.029 đồng

Nợ lãi: 866.865.952 đồng (gồm nợ lãi trong hạn: 587.150.245 đồng + nợ lãi quá hạn: 279.715.707 đồng)

Tổng nợ là 1.603.977.981 đồng

Lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/10/2019 đến khi ông Nguyễn Quý A và bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Thời hạn để ông Nguyễn Quý A và bà Nguyễn Thị Kim L thực hiện nghĩa vụ trả nợ như tại mục 2.1 là kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Quý A và bà Nguyễn Thị Kim L không thực hiện đúng nghĩa vụ như cam kết tại mục 2.1 và mục 2.2 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) có

quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, diện tích 196 m^2 ở cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Hợp đồng thế chấp số MĐ11/0007/HĐBĐ ngày 02/8/2011, công chứng số 01643.2011/CCHH/HĐTC, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/8/2011 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, Thành phố Hà Nội và đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh Đan Phượng. Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 689733, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00140.QSDĐ/ĐP được UBND huyện Đan Phượng cấp ngày 31/12/2013 đứng tên hộ ông Nguyễn Quý A.

2.4. Án phí: Ông Nguyễn Quý A (tức Ph) và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu 30.059.000 đ (Ba mươi triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng VN (VAMC) số tiền 27.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014079 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2.5. Chi phí tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng VN (VAMC) tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu